

Số: /QĐ-UBND

Di Linh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án sắp xếp thôn năm 2026 trên địa bàn xã Di Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DI LINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Phương án tổng thể số 8760/PA-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Kết luận số 223-KL/ĐU ngày 13/6/2026 của Đảng ủy về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã (đợt xuất);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp thôn năm 2026 trên địa bàn xã Di Linh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và các thôn trên địa bàn xã Di Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- UBNDTTQVN xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Như điều 3;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Nhật Thi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DI LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Di Linh, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

Sắp xếp thôn năm 2026 trên địa bàn xã Di Linh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 13/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Di Linh)

**PHẦN THỨ I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ**

- Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của HTCT trong thời gian tới;

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 11/10/2022 của Quốc hội; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của HTCT trong thời gian tới;

- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

- Văn bản số 7597/UBND-NC ngày 24/5/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 8473/UBND-NC ngày 04/6/2026

của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc tiếp tục rà soát, đề xuất phương án sắp xếp thôn trên địa bàn tỉnh;

- Kết luận số 700-TB/TU ngày 09/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Phương án tổng thể số 8760/PA-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

PHẦN THỨ II

LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN

1. Lý do sắp xếp thôn

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; triển khai Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố.

Trong thời gian qua, UBND xã Di Linh đã tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của các thôn theo đúng quy định. Hoạt động của thôn thông qua sự lãnh đạo của chi bộ, sự phối hợp của Ban công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể đã phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, các thôn đã thực hiện tốt vai trò nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tiếp thu và phản ánh ý kiến của Nhân dân đến cấp ủy, chính quyền các cấp, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, xã Di Linh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 đơn vị hành chính cấp xã với tổng số 49 thôn. Qua rà soát, hiện có 26/49 thôn không bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định. Về cơ sở vật chất, toàn xã có 45/49 thôn có nhà văn hóa phục vụ sinh hoạt cộng đồng; tuy nhiên, một số nhà văn hóa được xây dựng từ nhiều năm trước, cơ sở vật chất đã xuống cấp, diện tích và các điều kiện phục vụ hội họp, sinh hoạt cộng đồng chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Bên cạnh đó, vẫn còn 04 thôn chưa có nhà văn hóa, các thiết chế văn hóa còn thiếu ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức các hoạt động cộng đồng và triển khai nhiệm vụ tại cơ sở. Xã Di Linh với số lượng 49 thôn, việc phân bổ kinh phí và tổ chức triển khai các nhiệm vụ đến từng thôn còn phân tán, làm tăng chi phí quản lý và ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả điều hành của UBND xã.

- Việc tìm nguồn nhân sự những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức tự quản ở thôn chuẩn bị cho kỳ đại hội chi bộ và các chi hội gặp nhiều

khó khăn, vì phần lớn những người có điều kiện tham gia đều lớn tuổi, còn những người trẻ hơn chủ yếu lo làm kinh tế, ít quan tâm đến công tác thôn.

2. Sự cần thiết sắp xếp thôn

Việc sắp xếp thôn là cần thiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời khắc phục tình trạng một số thôn không bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô dân số, số hộ gia đình theo quy định. Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hiệu quả hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương.

Thông qua việc sắp xếp, sáp nhập thôn sẽ góp phần tinh gọn đầu mối quản lý, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, giảm chi phí từ ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ thôn thực sự có năng lực, trách nhiệm, uy tín trong Nhân dân để thực hiện tốt công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Việc sắp xếp cũng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của chi bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, phát huy vai trò phối hợp của Ban công tác Mặt trận và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng; đồng thời tạo điều kiện thực hiện tốt công tác tự quản tại địa bàn dân cư, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, văn minh.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp thôn tạo điều kiện tập trung, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; khai thác hợp lý cơ sở vật chất hiện có; tạo thuận lợi trong việc tổ chức các cuộc họp dân, sinh hoạt cộng đồng, triển khai các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Sau sắp xếp, bảo đảm mỗi thôn có ít nhất một địa điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ nhu cầu hội họp, sinh hoạt của Nhân dân.

Đồng thời, việc sắp xếp góp phần khắc phục khó khăn về nguồn nhân sự tham gia hoạt động ở thôn, nhất là đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức tự quản và đoàn thể ở cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngày càng vững mạnh.

Việc hình thành các thôn có quy mô dân cư phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc điểm lịch sử, truyền thống, văn hóa và phong tục tập quán của địa phương sẽ góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng cộng đồng dân cư ổn định, gắn kết; đồng thời tạo nền tảng thuận lợi để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo

đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

- Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, xã Di Linh tổ chức sắp xếp, sáp nhập 49 thôn thành 23 thôn, giảm 26 thôn thì việc sắp xếp tổ chức, hoạt động cũng như cơ sở vật chất bớt khó khăn hơn; công tác tuyên truyền, vận động sức người, sức của trong nhân dân thuận tiện hơn, tập trung hơn.

- Về công tác nhân sự (người hoạt động không chuyên trách): Giảm được 78 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, góp phần thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Về kinh phí: Giảm chi ngân sách nhà nước cho phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn hơn 05 tỷ đồng/năm (bình quân mỗi thôn hơn 200 triệu đồng/năm).

Xuất phát từ những lý do và sự cần thiết nêu trên, Ủy ban nhân dân xã Di Linh xây dựng đề án sắp xếp các thôn trình cấp có thẩm quyền quyết định.

PHẦN THỨ III NỘI DUNG SẮP XẾP THÔN

I. Thực trạng chung

1. Thực trạng xã Di Linh

- Diện tích tự nhiên của xã Di Linh: 26.828 ha;
- Số lượng thôn: 49 thôn;
- Quy mô số hộ gia đình thôn: 14.526 hộ;

- Xã Di Linh có hệ thống giao thông cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, kết nối giữa trung tâm xã với các thôn; hệ thống điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, trường học, cơ sở y tế được đầu tư tương đối đồng bộ, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; đa số các thôn có nhà văn hóa, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động hội họp, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở. Kinh tế của xã tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với thương mại, dịch vụ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, địa bàn xã rộng, số lượng thôn nhiều, quy mô hộ gia đình giữa các thôn chưa đồng đều; một số thôn có quy mô dân cư thấp hơn tiêu chuẩn theo quy định, gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động ở cộng đồng dân cư; thiết chế văn hóa tại một số thôn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của Nhân dân; nhà sinh hoạt cộng đồng còn hạn chế về

diện tích, trang thiết bị và điều kiện phục vụ hoạt động; một số thôn còn gặp khó khăn về điều kiện phát triển kinh tế, nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

- Qua rà soát, đối chiếu với tiêu chuẩn thôn theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, trên địa bàn xã hiện có 49 thôn, trong đó có 23 thôn đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định; 26 thôn không đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình, chiếm tỷ lệ 53,06% tổng số thôn trên địa bàn. Việc còn nhiều thôn chưa đạt tiêu chuẩn cho thấy sự cần thiết phải thực hiện sắp xếp nhằm bảo đảm quy mô dân cư phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Về tổ chức và hoạt động của các chi hội đoàn thể ở thôn như: Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn thanh niên, Chi hội Người cao tuổi, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học được duy trì hoạt động theo quy định. Các chi hội đã tích cực tham gia tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động tại địa phương. Tuy nhiên, tại một số thôn quy mô dân số ít, số lượng đoàn viên, hội viên không nhiều nên việc tổ chức hoạt động còn gặp khó khăn, hiệu quả hoạt động chưa đồng đều giữa các địa bàn.

Về đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn: Đội ngũ Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận và các chức danh khác cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với địa bàn, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, do số lượng thôn nhiều, quy mô một số thôn nhỏ, phân tán nên việc bố trí nhân sự còn gặp khó khăn; một số nơi thiếu nguồn cán bộ kế cận, khó khăn trong công tác tạo nguồn phát triển đảng viên và bố trí người tham gia hoạt động ở thôn. Việc sắp xếp thôn sẽ tạo điều kiện tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, bảo đảm lựa chọn được những người có năng lực, uy tín, trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn dân cư.

Nhìn chung, hệ thống chính trị ở thôn cơ bản hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương. Tuy nhiên, số lượng thôn chưa đạt tiêu chuẩn còn nhiều, quy mô dân cư giữa các thôn chưa đồng đều, nguồn nhân lực tham gia hoạt động ở thôn còn hạn chế. Vì vậy, việc sắp xếp thôn là cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

2. Thực trạng thôn

a) Về số lượng thôn

Toàn xã Di Linh có 49 thôn; trong đó:

+ 26 thôn không đảm bảo quy mô hộ gia đình theo quy định: dưới 300 hộ.

+ 23 thôn đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định: từ 300 hộ đến dưới 700 hộ).

b) Về tổ chức đảng, Ban Công tác Mặt trận và các chi hội, đoàn thể ở thôn

- Toàn xã có 49 chi bộ thôn; không có thôn phải sinh hoạt ghép, với 1.064 đảng viên.

- Toàn xã có 08 chi hội, đoàn thể ở mỗi thôn gồm: Ban công tác Mặt trận; 49 Chi hội Phụ nữ; Chi hội Nông dân; Chi hội Cựu chiến binh; Chi đoàn thanh niên; Chi hội Người cao tuổi; Chi hội Chữ thập đỏ; Chi hội Khuyến học.

c) Về hội trường thôn

Hiện có 45/49 thôn có hội trường thôn phục vụ hội họp và sinh hoạt cộng đồng.

d) Về người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn:

Toàn xã Di Linh có 49 thôn, với tổng số 137 người hoạt động không chuyên trách (49 Bí thư chi bộ, 44 Trưởng thôn, 44 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn).

Có 09 người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm, cụ thể:

+ Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn 04 người (thôn 9, thôn Di Linh Thượng 1, thôn 20, thôn Lăng Kú);

+ Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn 04 người (thôn Nông Trường, thôn Liên Đàm 4, thôn Liên Đàm 5, thôn Liên Đàm 10);

Hiện còn khuyết 02 chức danh gồm: Trưởng thôn 01 người (thôn Klong Trao 1); Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn 01 người (thôn Ka Ming).

Có 48 thôn có trưởng thôn; 28 thôn có phó trưởng thôn; 48 thôn có Trưởng ban Công tác Mặt trận; 49 thôn có Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận.

- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn:

Toàn xã có 438 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn gồm:

+ 40 Phó Bí thư chi bộ,

+ 38 Phó trưởng thôn,

+ 49 Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn,

+ 47 Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ (khuyết Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ thôn 5 và thôn Tân Châu 7),

+ 47 Chi hội trưởng Chi hội Nông dân (02 Phó ban Công tác Mặt trận thôn Liên Đàm 7 và thôn 5 kiêm Chi hội trưởng Chi hội Nông dân),

+ 48 Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh (01 Phó ban Công tác Mặt trận thôn Liên Đàm 8 kiêm Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh),

+ 47 Bí thư Chi đoàn thanh niên (01 Phó Bí thư thôn Tân Châu 4 kiêm Bí thư Chi đoàn thanh niên, khuyết 01 Bí thư Chi đoàn thanh niên thôn Liên Châu),

+ 47 Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi (01 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn 7 và 01 Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn 10 kiêm Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi),

+ 49 Chi hội trưởng Chi hội Chữ thập đỏ,

+ 49 Chi hội trưởng Chi hội Khuyến học (49 thôn kiêm nhiệm),

+ 26 Nhân viên Y tế thôn bản.

Số liệu cụ thể như sau:

TT	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người hoạt động KCT	Số người tham gia trực tiếp	Hội trưởng thôn	Đạt, không đạt (theo ND số 185/2026/ND-CP của CP)	
							Đạt	Không đạt
1	Thôn 1	394	1.678	3	9	1	1	
2	Thôn 2	461	1.978	3	10	1	1	
3	Thôn 3	431	1.787	3	10	1	1	
4	Thôn 4	467	1.908	3	10	1	1	
5	Thôn 5	273	1.180	3	7	1		1
6	Thôn 6	374	1.708	3	10	1	1	
7	Thôn 7	423	1.826	3	8	1	1	
8	Thôn 8	336	1.382	3	9	1	1	
9	Thôn 9	387	1.461	2	9	1	1	
10	Thôn 10	200	834	3	9	1		1
11	Thôn 11	304	1.340	3	9	1	1	
12	Thôn 12	305	1.376	3	10	1	1	
13	Thôn 13	245	1.044	3	10	1		1
14	Thôn 14	343	1.373	3	9	1	1	
15	Thôn 15	362	1.519	3	9	1	1	
16	Thôn 16	376	1.659	3	10	0	1	
17	Thôn 17	283	1.385	3	9	1		1
18	Thôn 18	295	1.309	3	9	1		1
19	Thôn 19	332	1.398	3	9	1	1	
20	Thôn 20	156	662	2	9	1		1
21	Thôn Di Linh Thượng 1	225	1.091	2	10	1		1

22	Thôn Di Linh Thượng 2	335	1.615	3	9	1	1	
23	Thôn Ka Ming	471	2.388	2	10	1	1	
24	Thôn Tân Châu 1	344	1.756	3	8	1	1	
25	Thôn Tân Châu 2	153	771	3	9	1		1
26	Thôn Tân Châu 3	160	776	3	9	1		1
27	Thôn Tân Châu 4	299	1.315	3	8	1		1
28	Thôn Tân Châu 5	287	1.334	3	8	1		1
29	Thôn Tân Châu 6	246	1.126	3	8	1		1
30	Thôn Tân Châu 7	410	1.873	3	9	1	1	
31	Thôn Tân Châu 8	160	661	3	9	1		1
32	Thôn Tân Châu 9	287	1.348	3	9	1		1
33	Thôn Liên Châu	143	614	3	7	1		1
34	Thôn Hàng Làng	388	1.899	3	9	1	1	
35	Thôn Hàng Hải	463	1.912	3	10	1	1	
36	Thôn Đăng Rách	234	870	3	9	1		1
37	Thôn Lãng Kú	204	822	2	9	1		1
38	Thôn Klong Trao 1	254	1.202	2	9	1		1
39	Thôn Klong Trao 2	128	505	3	9	1		1
40	Thôn Liên Đầm 1	249	1.095	3	8	0		1
41	Thôn Liên Đầm 2	217	994	3	8	1		1
42	Thôn Liên Đầm 3	383	1.588	3	10	1	1	
43	Thôn Liên Đầm 4	264	1.227	2	9	1		1
44	Thôn Liên Đầm 5	207	1.012	2	9	0		1
45	Thôn Liên Đầm 7	199	838	3	7	1		1
46	Thôn Liên Đầm 8	423	1.839	3	9	0	1	
47	Thôn Liên Đầm 9	374	1.771	3	10	1	1	
48	Thôn Liên Đầm 10	141	551	2	8	1		1
49	Thôn Nông Trường	131	521	2	8	1		1
	Tổng cộng	14.526	64.121	137	438	45	23	26

- Số lượng thôn không đảm bảo tiêu chuẩn: 26 thôn; trong đó đề nghị sắp xếp 46 thôn, đề nghị giữ nguyên: 03 thôn.

Thôn Ka Ming và thôn Hàng Làng: đã bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, tuy nhiên là thôn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (trên 98%), có đặc điểm riêng về văn hóa, phong tục, tập quán và đời sống cộng đồng, đồng thời có vị trí địa lý tương đối độc lập, hình thành khu vực dân cư riêng biệt. Việc giữ nguyên thôn nhằm bảo đảm sự ổn định trong đời sống Nhân dân, duy trì và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, quản lý,

tuyên truyền, vận động Nhân dân và triển khai các chính sách dân tộc trên địa bàn.

Thôn Hàng Hải: đã bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, tuy nhiên địa bàn rộng với chiều dài thôn khoảng 17km, dân cư không tập trung, nếu thực hiện sắp xếp với thôn khác sẽ làm tăng phạm vi quản lý, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, công tác quản lý dân cư, tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng và triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Do đó, việc giữ nguyên hiện trạng là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Vì vậy, đề nghị giữ nguyên 03 thôn nêu trên để bảo đảm tính ổn định, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc điểm dân cư, địa bàn và yêu cầu quản lý ở cơ sở.

d) Đánh giá về hoạt động của thôn

Qua 01 năm thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể thôn có nhiều chuyển biến tích cực, nắm vững các nhiệm vụ chính trị của Đảng, chính quyền địa phương đề ra, các thôn bám sát chặt chẽ với chương trình công tác của Mặt trận và các đoàn thể cấp trên, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, chính quyền cấp trên với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, lồng ghép tuyên truyền học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng, tham gia xây dựng đảng, chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị... Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất giỏi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần trong các tầng lớp nhân dân, phong trào đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, công tác nhân đạo từ thiện được khơi dậy và phát huy.

Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân được tăng cường, củng cố, lòng tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền được nâng lên. Nội dung phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể gắn với thực tiễn đời sống của các tầng lớp Nhân dân; đoàn viên, hội viên gắn với tổ chức vai trò, vị trí của các tổ chức chính trị - xã hội ngày được nâng lên, tập hợp nhiều đoàn viên, hội viên vào tổ chức.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu quả. Trên địa bàn đã thành lập, duy trì hoạt động của các tổ bảo vệ an ninh, đội dân phòng và triển khai hiệu quả các mô hình như: “Tổ tự quản”, “Camera an ninh”, “Cổng rào và tiếng keng an ninh trật tự”, “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy”... góp phần nâng cao ý thức tự quản trong cộng đồng dân cư, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

Qua đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các thôn cơ bản được giữ vững, các tệ nạn xã hội từng bước được kiềm chế, giảm thiểu, tạo môi trường ổn định, an toàn phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Các thôn đã chủ động xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

Tuy nhiên, hoạt động của các thôn trên địa bàn xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Xã Di Linh có diện tích tự nhiên rộng, dân số 64.121 người với mật độ dân số khoảng 239 người/km², phân bố dân cư không đồng đều; nhiều khu dân cư nằm cách xa trung tâm thôn, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành, tuyên truyền, vận động Nhân dân cũng như tổ chức triển khai các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của thôn còn chưa đồng bộ. Một số thôn chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng, nhiều hội trường thôn được xây dựng từ lâu, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng, hội nghị Nhân dân và các hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Về đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, hiện nay chỉ có 03 chức danh được hưởng phụ cấp theo quy định. Đối với chức danh Phó Trưởng thôn và một số lực lượng trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, mức hỗ trợ còn hạn chế hoặc chưa được thực hiện thống nhất giữa các địa bàn, dẫn đến những khó khăn nhất định trong công tác phối hợp, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, điều hành của Trưởng thôn và chất lượng triển khai các nhiệm vụ được giao tại cơ sở.

3. Phương án sắp xếp các thôn

3.1. Sắp xếp thôn Liên Đàm 1 (249 hộ, 1.095 khẩu), thôn Nông Trường (131 hộ, 521 khẩu) và thôn Liên Đàm 10 (141 hộ, 551 khẩu) thành thôn Liên Đàm 1. Sau sắp xếp thôn Liên Đàm 1 có quy mô 521 hộ gia đình với 2.167 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Liên Đàm 1 có vị trí như sau: phía Đông giáp xã Hòa Ninh; phía Tây và Bắc giáp thôn Liên Đàm 8; phía Nam giáp thôn Liên Đàm 9.

Sử dụng hội trường thôn Liên Đàm 10 làm hội trường thôn.

3.2. Sắp xếp thôn Liên Đàm 2 (217 hộ, 994 khẩu) với thôn Liên Đàm 3 (383 hộ, 1.588 khẩu) thành thôn Liên Đàm 3. Sau sắp xếp thôn Liên Đàm 3 có quy mô 600 hộ gia đình với 2.582 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Liên Đàm 3 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn Liên Đàm 8; phía Tây và Nam giáp thôn Liên Đàm 9; phía Bắc giáp thôn Tân Châu 5.

Sử dụng hội trường thôn Liên Đàm 2 hoặc hội trường thôn Liên Đàm 3 làm hội trường thôn.

3.3. Sắp xếp thôn Liên Đàm 7 (199 hộ, 838 khẩu), thôn Liên Đàm 8 (423 hộ, 1.839 khẩu) và thôn Liên Châu (143 hộ, 614 khẩu) thành thôn Liên Đàm 8. Sau sắp xếp thôn Liên Đàm 8 có quy mô 765 hộ gia đình với 3.291 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Liên Đàm 8 có vị trí như sau: phía Đông giáp Liên Đàm 1 và xã Hòa Ninh; phía Tây giáp thôn Liên Đàm 3, thôn Tân Châu 5; phía Nam giáp: thôn Liên Đàm 9; phía Bắc giáp xã Đinh Trang Thượng.

Sử dụng hội trường thôn Liên Châu làm hội trường thôn.

3.4. Sắp xếp thôn Liên Đàm 4 (264 hộ, 1.227 khẩu), thôn Liên Đàm 5 (207 hộ, 1.012 khẩu) và thôn Liên Đàm 9 (374 hộ, 1.771 khẩu) thành thôn Liên Đàm 9. Sau sắp xếp thôn Liên Đàm 9 có quy mô 845 hộ gia đình với 4.010 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Liên Đàm 9 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 1, thôn Hàng Hải; phía Tây giáp thôn Liên Đàm 8 và xã Hòa Ninh; phía Nam giáp thôn Hàng Hải và xã Sơn Điền; phía Bắc giáp thôn 13.

Sử dụng hội trường thôn Liên Đàm 4 hoặc hội trường thôn Liên Đàm 9 làm hội trường thôn.

3.5. Sắp xếp thôn 1 (394 hộ, 1.678 khẩu) với thôn 2 (461 hộ, 1.978 khẩu) thành thôn 2. Sau sắp xếp thôn 2 có quy mô 855 hộ gia đình với 3.656 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 2 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 4; phía Tây giáp thôn Liên Đàm 9; phía Nam giáp thôn Gung Ré; phía Bắc giáp thôn 13.

Sử dụng hội trường thôn 1 làm hội trường thôn.

3.6. Sắp xếp thôn 3 (431 hộ, 1.787 khẩu) với thôn 4 (467 hộ, 1.908 khẩu) thành thôn 4. Sau sắp xếp thôn 4 có quy mô 898 hộ gia đình với 3.695 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 4 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 6; phía Tây giáp thôn 2; phía Nam giáp thôn Gung Ré; phía Bắc giáp thôn Tân Lập, thôn 9.

Sử dụng hội trường thôn 4 làm hội trường thôn.

3.7. Sắp xếp thôn 5 (273 hộ, 1.180 khẩu) với một phần thôn 6 (322 hộ, 1.453 khẩu) thành thôn 6. Sau sắp xếp thôn 6 có quy mô 595 hộ gia đình với 2.633 nhân khẩu.

Đã chuyển 52 hộ, 255 khẩu của thôn 6 nhập vào thôn Klong Trao do khu vực dân cư có vị trí địa lý liền kề, thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, tổ chức cộng đồng dân cư và sinh hoạt của Nhân dân sau khi thực hiện sắp xếp.

Địa bàn thôn 6 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 7; phía Tây giáp thôn 4; phía Nam giáp thôn Klong Trao; phía Bắc giáp thôn Tân Lập, thôn 9.

Sử dụng hội trường thôn 6 làm hội trường thôn.

3.8. Sắp xếp thôn 7 (423 hộ, 1.826 khẩu) với thôn 8 (336 hộ, 1.382 khẩu) thành thôn 7. Sau sắp xếp thôn 7 có quy mô 759 hộ gia đình với 3.208 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 7 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn Di Linh Thượng; phía Tây giáp thôn Tân Lập, thôn 9; phía Nam giáp thôn 6; phía Bắc giáp thôn 15.

Sử dụng hội trường thôn 7 làm hội trường thôn.

3.9. Sắp xếp thôn 9 (387 hộ, 1.461 khẩu) với thôn 10 (200 hộ, 834 khẩu) thành thôn 9. Sau sắp xếp thôn 9 có quy mô 587 hộ gia đình với 2.295 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 9 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 7, thôn 6; phía Tây giáp thôn Tân Lập; phía Nam giáp thôn 4; phía Bắc giáp thôn 7.

Sử dụng hội trường thôn 10 làm hội trường thôn.

3.10. Sắp xếp thôn 11 (304 hộ, 1.340 khẩu) với thôn 12 (305 hộ, 1.376 khẩu) thành thôn Tân Lập. Sau sắp xếp thôn Tân Lập có quy mô 609 hộ gia đình với 2.716 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Tân Lập có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 9, thôn 7; phía Tây giáp thôn 13; phía Nam giáp thôn 4; phía Bắc giáp thôn 13.

Sử dụng hội trường thôn 11 hoặc hội trường thôn 12 làm hội trường thôn.

3.11. Sắp xếp thôn 13 (245 hộ, 1.044 khẩu), thôn 20 (156 hộ, 662 khẩu) và một phần thôn Tân Châu 8 (147 hộ, 609 khẩu) thành thôn 13. Sau sắp xếp thôn 13 có quy mô 548 hộ gia đình với 2.315 nhân khẩu.

Điều chuyển 13 hộ với 52 khẩu của thôn Tân Châu 8 nhập vào thôn 16 do khu vực dân cư có vị trí địa lý giáp ranh thôn 16, nằm tách biệt với khu dân cư thôn Tân Châu 8, nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và sinh hoạt của Nhân dân sau khi thực hiện sắp xếp.

Địa bàn thôn 13 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 16, thôn Tân Lập; phía Tây giáp thôn Tân Châu 5; phía Nam giáp thôn 2, thôn 4; phía Bắc giáp thôn Tân Châu 5.

Sử dụng hội trường thôn 20 làm hội trường thôn.

3.12. Sắp xếp thôn 14 (343 hộ, 1.373 khẩu) với thôn 15 (362 hộ, 1.519 khẩu) thành thôn 15. Sau sắp xếp thôn 15 có quy mô 705 hộ gia đình với 2.892 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 15 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 19, thôn Di Linh Thượng; phía Tây giáp thôn Tân Lập; phía Nam giáp thôn 7; phía Bắc giáp thôn 6.

Sử dụng hội trường thôn 15 làm hội trường thôn.

3.13. Sắp xếp thôn 16 (376 hộ, 1.659 khẩu), thôn 17 (283 hộ, 1.385 khẩu) và một phần thôn Tân Châu 8 (13 hộ, 52 khẩu) thành thôn 16. Sau sắp xếp thôn 16 có quy mô 672 hộ gia đình với 3.096 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 16 có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn 19; phía Tây giáp thôn 13; phía Nam giáp thôn 15, thôn 19; phía Bắc giáp xã Bảo Thuận.

Sử dụng hội trường thôn 17 làm hội trường thôn.

3.14. Sắp xếp thôn 18 (295 hộ, 1.309 khẩu) với thôn 19 (332 hộ, 1.398 khẩu) thành thôn 19. Sau sắp xếp thôn 19 có quy mô 627 hộ gia đình với 2.707 nhân khẩu.

Địa bàn thôn 19 có vị trí như sau: phía Đông giáp xã Bảo Thuận; phía Tây giáp thôn 15; phía Nam giáp thôn Ka Ming; phía Bắc giáp thôn 16.

Sử dụng hội trường thôn 18 làm hội trường thôn.

3.15. Sắp xếp thôn Di Linh Thượng 1 (225 hộ, 1.091 khẩu) với thôn Di Linh Thượng 2 (335 hộ, 1.615 khẩu) thành thôn Di Linh Thượng. Sau sắp xếp thôn Di Linh Thượng có quy mô 560 hộ gia đình với 2.706 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Di Linh Thượng có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn Klong Trao; phía Tây giáp thôn 7; phía Nam giáp thôn 6; phía Bắc giáp thôn 15.

Sử dụng hội trường thôn Di Linh Thượng 2 làm hội trường thôn.

3.16. Sắp xếp thôn Klong Trao 1 (254 hộ, 1.202 khẩu), thôn Klong Trao 2 (128 hộ, 505 khẩu), một phần thôn 6 (52 hộ, 255 khẩu) và ghép cộng đồng dân cư (56 hộ, 232 nhân khẩu) của thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận thành thôn Klong Trao. Sau sắp xếp thôn Klong Trao có quy mô 490 hộ gia đình với 2.194 nhân khẩu.

Điều chuyển 52 hộ với 255 khẩu của thôn 6 nhập vào thôn Klong Trao, do 52 hộ này nằm trên tuyến Quốc lộ 28 từ ngã 3 Lê Lợi- Trại Phong đến cầu Bảo Thuận thành khu vực cộng đồng dân cư không bị chia cắt, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và sinh hoạt của Nhân dân sau khi thực hiện sắp xếp.

Đối với 56 hộ dân có 232 khẩu thường trú tại thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận nhưng địa giới hành chính thuộc thôn Klong Trao 1, xã Di Linh, UBND xã Bảo Thuận và UBND xã Di Linh đã làm việc và thống nhất xã Bảo Thuận bàn giao cộng đồng dân cư gồm 56 hộ gia đình với 232 nhân khẩu của thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận về cho xã Di Linh quản lý theo quy định (Biên bản bàn giao ngày 02/6/2026). Xã Di Linh thực hiện ghép cộng đồng dân cư này vào thôn Klong Trao để thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và sinh hoạt của Nhân dân.

Địa bàn thôn Klong Trao có vị trí như sau: phía Đông, Bắc giáp xã Bảo Thuận; phía Tây, Nam giáp thôn 6.

Sử dụng hội trường thôn Klong Trao 1 làm hội trường thôn.

3.17. Sắp xếp thôn Đăng Rách (234 hộ, 870 khẩu) với thôn Lăng Kú (204 hộ, 822 khẩu) thành thôn Gung Ré. Sau sắp xếp thôn Gung Ré có quy mô 438 hộ, 1.692 khẩu.

Địa bàn thôn Gung Ré có vị trí như sau: phía Đông giáp: thôn Liên Đàm 9; phía Tây giáp thôn 3, thôn 4; phía Nam giáp thôn Hàng Hải; phía Bắc giáp thôn Klong Trao.

Sử dụng hội trường thôn Đăng Rách làm hội trường thôn.

3.18. Sắp xếp thôn Tân Châu 1 (344 hộ, 1.756 khẩu), thôn Tân Châu 2 (153 hộ, 771 khẩu) và thôn Tân Châu 3 (160 hộ, 776 khẩu) thành thôn Tân Châu 1. Sau sắp xếp thôn Tân Châu 1 có quy mô 657 hộ gia đình với 3.303 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Tân Châu 1 có vị trí như sau: phía Đông giáp xã Bảo Thuận; phía Tây giáp thôn 13; phía Nam giáp thôn 13, thôn 16; phía Bắc giáp thôn Tân Châu 5 và Tân Châu 7.

Sử dụng hội trường thôn Tân Châu 3 hoặc hội trường thôn Tân Châu 2 làm hội trường thôn.

3.19. Sắp xếp thôn Tân Châu 4 (299 hộ, 1.315 khẩu) với thôn Tân Châu 7 (410 hộ, 1.873 khẩu) thành thôn Tân Châu 7. Sau sắp xếp thôn Tân Châu 7 có quy mô 709 hộ gia đình với 3.188 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Tân Châu 7 có vị trí như sau: phía Đông giáp xã Bảo Thuận; phía Tây giáp thôn Tân Châu 5; phía Nam giáp thôn Tân Châu 1; phía Bắc giáp xã Đình Trang Thượng và sông Đồng Nai.

Sử dụng hội trường thôn Tân Châu 7 làm hội trường thôn.

3.20. Sắp xếp thôn Tân Châu 5 (287 hộ, 1.334 khẩu), thôn Tân Châu 6 (246 hộ, 1.126 khẩu) và thôn Tân Châu 9 (287 hộ, 1.348 khẩu) thành thôn Tân Châu 5. Sau sắp xếp thôn Tân Châu 5 có quy mô 820 hộ gia đình với 3.808 nhân khẩu.

Địa bàn thôn Tân Châu 5 có vị trí như sau: phía Đông giáp: thôn Tân Châu 7; phía Tây giáp thôn Liên Đàm 8; phía Nam giáp thôn Tân Châu 1, thôn 16; phía Bắc giáp xã Đình Trang Thượng.

Sử dụng hội trường thôn Tân Châu 5 hoặc hội trường thôn Tân Châu 9 làm hội trường thôn.

3.21. Thôn Hàng Làng: 388 hộ, 1.899 khẩu: giữ nguyên ổn định không sắp xếp.

Địa bàn thôn Hàng Làng có vị trí như sau: phía Đông giáp thôn Hàng Hải; phía Tây giáp xã Bảo Thuận; phía Nam giáp xã Sơn Điền; phía Bắc giáp thôn Gung Ré.

Tiếp tục sử dụng hội trường hiện có để phục vụ các hoạt động của thôn.

3.22. Thôn Hàng Hải: 463 hộ, 1.912 khẩu: giữ nguyên ổn định không sắp xếp.

Địa bàn thôn Hàng Hải có vị trí như sau: phía Đông, Nam giáp xã Sơn Điền; phía Tây giáp thôn Hàng Làng; phía Bắc giáp thôn Gung Ré.

Tiếp tục sử dụng hội trường hiện có để phục vụ các hoạt động của thôn.

3.23. Thôn Ka Ming: 471 hộ, 2.388 khẩu: giữ nguyên ổn định không sắp xếp.

Địa bàn thôn Ka Ming có vị trí như sau: phía Đông giáp xã Bảo Thuận; phía Tây giáp thôn Di Linh Thượng; phía Nam giáp thôn Klong Trao; phía Bắc giáp thôn 19.

Tiếp tục sử dụng hội trường hiện có để phục vụ các hoạt động của thôn.

Stt	Tên gọi mới của thôn	Được sắp xếp từ các thôn cũ			Quy mô số hộ gia đình của thôn sau khi sắp xếp	
		Tên thôn	Số hộ	Số nhân khẩu	Số hộ	Số nhân khẩu
1	Thôn Liên Đàm 1	Thôn Liên Đàm 1	249	1.095	521	2.167
		Thôn Nông Trường	131	521		
		Thôn Liên Đàm 10	141	551		
2	Thôn Liên Đàm 3	Thôn Liên Đàm 2	217	994	600	2.582
		Thôn Liên Đàm 3	383	1.588		
3	Thôn Liên Đàm 8	Thôn Liên Đàm 7	199	838	765	3.291
		Thôn Liên Đàm 8	423	1.839		
		Thôn Liên Châu	143	614		
4	Thôn Liên Đàm 9	Thôn Liên Đàm 4	264	1.227	845	4.010
		Thôn Liên Đàm 5	207	1.012		
		Thôn Liên Đàm 9	374	1.771		
5	Thôn 2	Thôn 1	394	1.678	855	3.656
		Thôn 2	461	1.978		

6	Thôn 4	Thôn 3	431	1.787	898	3.695
		Thôn 4	467	1.908		
7	Thôn 6	Thôn 5	273	1.180	595	2.633
		1 phần thôn 6 (đã chuyển 52 hộ, 255 khẩu nhập vào thôn Klong Trao)	322	1.453		
8	Thôn Klong Trao	Thôn Klong Trao 1	254	1.202	490	2.194
		Thôn Klong Trao 2	128	505		
		1 phần thôn 6	52	255		
		Ghép cộng đồng dân cư thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận	56	232		
9	Thôn 7	Thôn 7	423	1.826	759	3.208
		Thôn 8	336	1.382		
10	Thôn 9	Thôn 9	387	1.461	587	2.295
		Thôn 10	200	834		
11	Thôn Tân Lập	Thôn 11	304	1.340	609	2.716
		Thôn 12	305	1.376		
12	Thôn 13	Thôn 13	245	1.044	548	2.315
		Thôn 20	156	662		
		1 phần thôn Tân Châu 8 (đã chuyển 13 hộ, 52 khẩu nhập vào thôn 16)	147	609		
13	Thôn 16	Thôn 16	376	1.659	672	3.096
		Thôn 17	283	1.385		
		1 phần thôn Tân Châu 8	13	52		

14	Thôn 15	Thôn 14	343	1.373	705	2.892
		Thôn 15	362	1.519		
15	Thôn 19	Thôn 18	295	1.309	627	2.707
		Thôn 19	332	1.398		
16	Thôn Di Linh Thượng	Thôn Di Linh Thượng 1	225	1.091	560	2.706
		Thôn Di Linh Thượng 2	335	1.615		
17	Thôn Gung Ré	Thôn Đăng Rách	234	870	438	1.692
		Thôn Lãng Kú	204	822		
18	Thôn Tân Châu 1	Thôn Tân Châu 1	344	1.756	657	3.303
		Thôn Tân Châu 2	153	771		
		Thôn Tân Châu 3	160	776		
19	Thôn Tân Châu 7	Thôn Tân Châu 4	299	1.315	709	3.188
		Thôn Tân Châu 7	410	1.873		
20	Thôn Tân Châu 5	Thôn Tân Châu 5	287	1.334	820	3.808
		Thôn Tân Châu 6	246	1.126		
		Thôn Tân Châu 9	287	1.348		
21	Thôn Hàng Hải	Giữ nguyên thôn Hàng Hải	463	1.912	463	1.912
22	Thôn Hàng Làng	Giữ nguyên thôn Hàng Làng	388	1.899	388	1.899
23	Thôn Ka Ming	Giữ nguyên thôn Ka Ming	471	2.388	471	2.388
Tổng			14.582	64.353	14.582	64.353

Tổng số hộ trên địa bàn xã Di Linh là 14.526 hộ; sau khi thực hiện và ghép cộng đồng dân cư từ xã Bảo Thuận (56 hộ), tổng số hộ toàn xã là 14.582 hộ.

4. Phương án bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp thôn

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách trước khi sắp xếp: 137 người.

- Số người hoạt động không chuyên trách dự kiến được tiếp tục bố trí: 59 người.

- Số người hoạt động không chuyên trách dự kiến phải đề xuất giải quyết chế độ chính sách: 78 người. Lộ trình thực hiện: Dự kiến trong tháng 7 năm 2026.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Bí thư thôn, Trưởng thôn, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, UBND xã Di Linh sẽ xây dựng phương án bố trí nhân sự cụ thể theo quy định.

II. Đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp thôn

1. Hiệu quả về công tác quản lý địa bàn, tinh gọn bộ máy, đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và hoạt động Ban Công tác Mặt trận

- Sau khi sắp xếp, số lượng thôn trên địa bàn xã giảm từ 49 thôn xuống còn 23 thôn, giảm 26 thôn, góp phần tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Đối với các thôn được giữ nguyên, các thôn này đều bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, có địa bàn ổn định, ranh giới quản lý rõ ràng, điều kiện tổ chức hoạt động cộng đồng thuận lợi, không phát sinh yêu cầu sắp xếp. Việc giữ nguyên các thôn này góp phần bảo đảm tính ổn định trong đời sống Nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành tại địa phương.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách: trước sắp xếp có 137 người hoạt động không chuyên trách, gồm 49 Bí thư Chi bộ thôn, 44 Trưởng thôn, 44 Trưởng Ban Công tác Mặt trận; sau sắp xếp còn 23 thôn, giảm 78 người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

- Số lượng các chi hội, đoàn thể ở thôn: sau sắp xếp giảm tương ứng số lượng 208 chi hội, đoàn thể: Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Người cao tuổi, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học.

- Số lượng người tham gia trực tiếp hoạt động ở thôn: bao gồm Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn, Chi hội trưởng các chi hội đoàn thể ở thôn và các lực lượng khác ở thôn. Sau sắp xếp giảm 208 người so với trước khi thực hiện phương án.

2. Hiệu quả về giảm chi ngân sách

Dự kiến tổng số tiền khoảng: 5.356.000.000 đồng, trong đó:

- Giảm do giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách: 3.628.000.000 đồng.

- Giảm do tổ chức lại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: 1.728.000.000 đồng.

3. Hiệu quả về phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Việc sắp xếp thôn góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Sau sắp xếp, quy mô dân cư của các thôn được điều chỉnh phù hợp hơn, góp phần tăng cường khả năng tập hợp, huy động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc giảm số lượng thôn tạo điều kiện tập trung các nguồn lực đầu tư, hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội hóa. Nguồn kinh phí tiết kiệm được từ việc giảm chi cho hoạt động của thôn và người hoạt động không chuyên trách có điều kiện được ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ trực tiếp nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp giúp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn hệ thống cơ sở vật chất hiện có như nhà sinh hoạt cộng đồng, hội trường thôn, các công trình văn hóa, thể thao và các thiết chế phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang khu dân cư và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật được thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn.

Thông qua việc sắp xếp, năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở được nâng lên; góp phần cải thiện điều kiện sống của Nhân dân, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển ổn định, lâu dài của địa phương.

4. Các hiệu quả khác

Việc sắp xếp thôn không chỉ mang lại hiệu quả về tổ chức bộ máy và phát triển kinh tế - xã hội mà còn tạo chuyên biến tích cực trong công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Sau sắp xếp, vai trò lãnh đạo của chi bộ, hiệu quả hoạt động của Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể từng bước được cải thiện, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong hệ thống chính trị và trong cộng đồng dân cư.

Việc hình thành các thôn có quy mô dân cư phù hợp hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao hiệu quả công tác quản lý dân cư, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và giải quyết các vấn đề phát sinh tại cơ sở.

Đồng thời, việc sắp xếp góp phần củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường mối quan hệ gắn bó trong cộng đồng dân cư; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể

thao, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

Đối với xã Di Linh, việc sắp xếp thôn còn góp phần khắc phục tình trạng thiếu nguồn nhân sự tham gia hoạt động ở thôn, tạo điều kiện lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ thôn có năng lực, uy tín và trách nhiệm; nâng cao chất lượng công tác tự quản ở cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

PHẦN THỨ IV PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN MỚI

1. Về số lượng

Sau khi sắp xếp toàn xã Di Linh có **23** thôn, gồm: thôn Liên Đàm 1, thôn Liên Đàm 3, thôn Liên Đàm 9, thôn Liên Đàm 8, thôn 2, thôn 4, thôn 6, thôn 7, thôn 9, thôn Tân Lập, thôn 13, thôn 15, thôn 16, thôn 19, thôn Di Linh Thượng, thôn Klong Trao, thôn Gung Ré, thôn Tân Châu 1, thôn Tân Châu 7, thôn Tân Châu 5, thôn Hàng Hải, thôn Hàng Làng và thôn Ka Ming.

2. Về tổ chức

Theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở thôn được bố trí 03 người gồm các chức danh: Bí thư chi bộ, Thôn trưởng và Trưởng ban Công tác Mặt trận có tổng số 69 người.

Sau sắp xếp thôn, việc kiện toàn, sắp xếp các tổ chức ở thôn được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Về tổ chức thực hiện

Được sự thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, UBND xã Di Linh tổ chức lấy ý kiến đại diện hộ gia đình cư trú tại các thôn thuộc phạm vi thực hiện sắp xếp trên địa bàn xã theo quy định. Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến, UBND xã hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND xã xem xét, thông qua và ban hành Nghị quyết theo thẩm quyền.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương sắp xếp thôn; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Sau khi có Nghị quyết của HĐND xã, UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai việc bầu Trưởng thôn theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiện toàn các tổ chức ở thôn theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Tổ chức rà soát, bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ đầu tư, nâng cấp hội trường thôn và các công trình phục vụ hoạt động của thôn sau sắp xếp theo điều kiện thực tế.

4. Kiến nghị và đề xuất

Đề nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm xem xét sớm ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn sau sắp xếp, người hoạt động không chuyên trách dôi dư do thực hiện sắp xếp thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, sửa chữa hội trường thôn và các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân./.